

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2020/HSPT

Ngày 14/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yên.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Cường và bà Nguyễn Thị Thu Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 116/2020/TLPT-HS ngày 03 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Lê Văn T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 87/2020/HS-ST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo kháng cáo:

Lê Văn T, sinh năm 1994; tại tỉnh Hải Dương; ĐKKHKT và nơi cư trú: thôn Cáp Nhất, xã Tiên Tiến, thành phố D, tỉnh Hải Dương; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Vũ Thị L; Gia đình có 03 anh em, T là con thứ 2; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 02/10/2019, Công an huyện H, tỉnh Hải Dương xử phạt 1.000.000đ về hành vi Đánh nhau; Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 88/QĐ-XPHC ngày 18/6/2015, Công an huyện H xử phạt 500.000đ về hành vi đánh nhau; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/01/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương (có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa: Bà Ngô Thị Xuân H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương (Có mặt).

- Bị hại:

1. Anh Phan Văn M, sinh năm 1997; Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện S, tỉnh Hải Dương.

2. Bà Lê Thị B, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 23 phố T, phường B, thành phố D, tỉnh Hải Dương.

3. Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1993; Địa chỉ: Khu N, phường Đ,

thành phố D, tỉnh Hải Dương.

4. Anh Nguyễn Bá C, sinh năm 2000; Địa chỉ: Số 45/113 phố K, phường Q, thành phố D, tỉnh Hải Dương.

5. Anh Vũ Huy A, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 97 phố V, phường H, thành phố D, tỉnh Hải Dương.

(bị hại đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ngọc G và Nguyễn Mạnh N không có nghề nghiệp nên rủ nhau đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền chi tiêu. Do quen biết nhau từ trước, khoảng cuối tháng 11/2019, G hỏi Lê Văn O về việc có mua xe máy không có giấy tờ không, O hiểu xe máy không giấy tờ mà G nói là do trộm cắp mà có nhưng do chưa có nhu cầu nên O không mua. Tối cùng ngày, khi O gặp Lê Văn T (là bạn của O), biết O có nhiều mối quan hệ xã hội, T nhờ O tìm mua hộ xe máy không có giấy tờ để sử dụng, O hiểu T muốn mua xe máy do trộm cắp mà có, O đồng ý và nói khi nào có xe sẽ thông báo cho T biết. Sau đó, O nói với G khi nào có xe máy không giấy tờ thì mang bán cho O. Được T, O hứa hẹn sẽ mua xe từ trước, trong khoảng thời gian từ ngày 16/11/2019 đến ngày 22/12/2019, G và N đã chiếm đoạt 16 chiếc xe máy tại địa bàn thành phố D, ngoài ra còn chiếm đoạt 01 chiếc xe máy tại thị trấn S, huyện S, tỉnh Hải Dương. Trong đó, G đã bán cho O 07 chiếc xe máy, O bán lại cho T 05 chiếc xe máy, cụ thể 5 vụ mà bị cáo T tham gia như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 07/12/2019, G điều khiển xe máy Vinasiam, kiểu dáng Dream chở N đi đến khu vực phường H, thành phố D thấy trong sân Nhà văn hóa Khu dân cư số 8 phường H dựng 01 chiếc xe máy hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn trắng - đen, biển số 34B3 - 274.10 của anh Phan Văn M ở xã L, huyện S, tỉnh Hải Dương nhưng không có người trông giữ, G dùng xe để N dùng vạm phá khóa mở ổ khóa điện rồi bảo G điều khiển xe máy của anh M về nhà G tháo biển số xe vứt đi. Khoảng 16 giờ cùng ngày, G mang chiếc xe máy đến phòng trọ của O bán được số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), G đưa cho N số tiền 2.000.000đ. Do được T nhờ tìm mua xe máy từ trước, khoảng 14 giờ ngày 08/12/2019, O mang chiếc xe máy không có giấy tờ, không biển số mua được từ G bán lại cho T được số tiền khoảng 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi mua xe, T sử dụng làm phương tiện đi lại. Đến ngày 24/12/2019, cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Hải Dương đã thu giữ 01 chiếc xe máy hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn trắng - đen tại phòng trọ của T ở thôn X, xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương.

Ngày 24/12/2019, anh Phan Văn M có đơn trình báo cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Hải Dương.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 4151 ngày 31/12/2019, Hội đồng định giá tài sản, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương xác định: Giá trị 01 chiếc xe máy hiệu Honda Wave Alpha, màu sơn trắng - đen, biển số 34B3 - 274.10 là 11.000.000đ (*Mười một triệu đồng*).

Vụ thứ 2: Khoảng 05 giờ 20 phút ngày 11/12/2019, N điều khiển xe máy Vinasiam, kiểu dáng Dream chở G đi đến khu vực chợ tạm ở đường Đ, phường P, thành phố D thấy tại vòng xuyến giao nhau giữa đường Đ và đường T dựng 01 chiếc xe máy Honda Dream, màu nâu biển số 34L5 - 5062 của bà Lê Thị B ở số 23 phố T, phường B, thành phố D, sau xe lắp giá để hàng bằng sắt nặng 17 kg, chìa khóa xe cắm tại ổ khóa điện nhưng không có người trông giữ, N dừng xe để G đi bộ đến, nổ máy, điều khiển xe máy của bà B về nhà G cất giấu. Tại đây, G tháo biển số xe, giá chở hàng bán cho 01 người thu mua phế liệu (không rõ tên tuổi, địa chỉ) được số tiền 70.000đ. Khoảng 09h ngày 12/12/2019, G mang chiếc xe máy của chị B đến phòng trọ của Lê Văn O bán được số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), G đưa cho N số tiền 1.250.000đ. Sau khi mua, O thông báo để T đến phòng trọ của O xem và đồng ý mua chiếc xe máy trên với số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày 25/12/2019, T đã tự nguyện giao nộp chiếc xe máy cho cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Hải Dương.

Ngày 27/12/2019, ông Hoàng Mai C (là chồng chị B) có đơn trình báo cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Hải Dương.

Tại các Bản kết luận định giá tài sản số 4153/KL-HĐĐG ngày 31/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, số 20/KL-HĐĐG ngày 12/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự, Ủy ban nhân dân thành phố D xác định: Giá trị 01 chiếc xe máy Honda Dream, màu nâu biển số 34L5 - 5062 có trị giá là 6.000.000đ; 01 chiếc giá chở hàng bằng sắt khối lượng 17 kg là 136.000đ.

Vụ thứ 3: Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 12/12/2019, G điều khiển xe máy hiệu Honda Dream màu nâu (xe máy chiếm đoạt của bà Lê Thị B) đi đến khu 2, phường C, thành phố D thấy trước cửa Văn phòng hãng taxi Đ dựng 01 xe máy hiệu Honda Wave, màu cam - đen - bạc, biển số 34B3 - 507.87 của anh Nguyễn Xuân Đ ở khu N, phường Đ, thành phố D không có người trông giữ, G dựng xe, dùng bộ vạm phá khóa mở ổ khóa điện chiếc xem máy của anh Đ. Sau đó, G điều khiển xe máy Honda Dream về nhà rồi đi bộ quay lại điều khiển xe máy của anh Đ về nhà tháo biển số xe vứt đi. Do hứa hẹn từ trước, G gửi hình ảnh chiếc xe máy chiếm đoạt cho Lê Văn O rồi mang chiếc xe máy đến phòng trọ của O bán được số tiền 4.000.000đ. Sau khi mua, O mang chiếc xe máy về cất

giấu tại nhà ở thôn H, xã Q, thành phố D rồi thông báo để Lê Văn T biết. Cùng ngày, T cùng bạn là anh Nguyễn Thành Trung ở thôn Công Luận 2, xã Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên đến nhà O. Tại đây, anh Trung đứng bên ngoài còn T vào xem và đồng ý mua chiếc xe máy với số tiền khoảng 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn). Ngày 21/12/2019, T cho bạn là Hoàng Tuấn A ở thôn C, xã T, thành phố D mượn chiếc xe máy trên. Cùng ngày, anh Tuấn A điều khiển chiếc xe máy này đi đến đường thuộc xã T, huyện H, tỉnh Hải Dương bị tai nạn giao thông làm chiếc xe máy bị hư hỏng. Ngày 04/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện H đã bàn giao chiếc xe máy trên cho cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố D.

Ngày 02/02/2020, anh Nguyễn Xuân Đ có đơn trình báo cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố D.

Tại các Bản kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 18/02/2020, số 20/KL-HĐĐG ngày 12/3/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự, Ủy ban nhân dân thành phố D xác định: Giá trị 01 xe máy hiệu Honda Wave, màu cam - đen - bạc, biển số 34B3 - 507.87 là 12.350.000đ; trị giá phần hư hỏng của chiếc xe máy trên là 5.758.500đ.

Vụ thứ 4: Khoảng 21 giờ ngày 18/12/2019, G điều khiển xe máy (không rõ biển số) chở N đi đến khu vực phường Q, thành phố D, thấy trước cửa số nhà 03/21/77 đường D, phường Q có dựng 01 chiếc xe máy hiệu Honda Wave màu cam - đen - bạc, biển số 34B3- 330.95 của anh Nguyễn Bá C ở 45/113 phố K, phường Q không có người trông giữ, G dừng xe để N dùng vạm phá khóa mở ổ khóa điện rồi bảo G điều khiển xe máy của anh C về nhà tháo biển số vứt đi. Sau đó, G mang bán chiếc xe máy cho O được số tiền khoảng 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), G đưa cho N số tiền 2.000.000đ. Sau khi mua, O thông báo để T đến xem xe. Cùng ngày, T cùng với bạn là anh Hoàng Minh Đ ở thôn C, xã T, thành phố D đi đến phòng trọ của O. Đến nơi, anh Đ chờ ở ngoài còn T vào gặp O. Thấy xe máy không có biển số, không có giấy tờ, ổ khóa bị cạy phá, biết là xe do trộm cắp mà có, T đồng ý mua với số tiền 4.800.000đ (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng). Ngày 25/12/2019, T đã tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe máy hiệu Honda Wave màu cam - đen - bạc (không biển số) cho cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Hải Dương.

Ngày 09/3/2020, anh Nguyễn Bá C có đơn trình báo cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố D.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐG ngày 12/3/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự, Ủy ban nhân dân thành phố D xác định: Giá trị 01 chiếc xe máy hiệu Honda Wave màu cam - đen - bạc, biển số 34B3 - 330.95 là 14.250.000đ (*Mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tại Bản kết luận giám định số 16 ngày 13/01/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương xác định: Bề mặt kim loại nơi đóng số khung và số máy bị tẩy xóa làm mất các ký tự của xe. Hàng chữ số nguyên thủy của xe không xác định được.

Vụ thứ 5: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 20/12/2019, G điều khiển xe máy hiệu Locin Friendly (xe máy chiếm đoạt của anh Phạm Kiêm D) chở N đi đến phường H, thành phố D thấy tại khoảng đất lưu không cửa sau nhà hàng Nhật Bản ở số 97 phố V, phường H có dựng 01 chiếc xe máy hiệu Yamaha Sirius màu trắng - đen, biển số 34P3- 7672 của anh Vũ Huy A nhưng không có người trông giữ, G dừng xe để N dùng vạm phá khóa mở ổ khóa điện, điều khiển xe máy của anh A đi về nhà G, tháo biển số xe vứt đi. Sau đó, G mang chiếc xe máy chiếm đoạt được đến phòng trọ của O bán được số tiền khoảng 3.200.000đ (Ba triệu hai trăm nghìn đồng), G đưa cho N số tiền 1.600.000đ. Cùng ngày, O thông báo cho T biết rồi bảo bạn là Lê Hoàng Phan ở Khu Phú Lương, phường Đ, thành phố D mang chiếc xe máy trên đến khu vực Trường cấp II xã Quyết N, thành phố D bán cho T được số tiền 3.800.000đ (Ba triệu tám trăm nghìn đồng). Hai ngày sau, T mang chiếc xe máy trên bán cho 01 người không rõ tên, tuổi, địa chỉ được số tiền 5.300.000đ (Năm triệu ba trăm nghìn đồng) nên không thu giữ được.

Ngày 25/12/2019, anh Vũ Huy A có đơn trình báo cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Hải Dương.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 18/02/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân thành phố D xác định: Giá trị 01 chiếc xe máy hiệu Yamaha Sirius màu trắng- đen, biển số 34P3 - 7672 là 4.981.250đ (Bốn triệu chín trăm tám mươi nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2020/HS-ST ngày 24/6/2020, Tòa án nhân dân thành phố D đã căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589, Điều 357, Điều 468, Điều 288, Điều 289 Bộ luật Dân sự; Điều 106, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án lệ phí Tòa án; Xử phạt bị cáo Lê Văn T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tính từ ngày 21/01/2020. Ngoài ra, bản án sơ thẩm tuyên hình phạt của các bị cáo khác, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/7/2020 bị cáo Lê Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) xem xét điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo T - Bà Ngô Thị Xuân H trình bày: Nhất trí áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại bản án hình sự sơ thẩm. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo đã tác động để gia đình bồi thường nốt số tiền cho bị hại là chị Lê Thị B, chị B có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo có vai trò đồng phạm giúp sức, sau các bị cáo khác. Đề nghị HĐXX xem xét nguyên nhân, điều kiện phạm tội, hoàn cảnh gia đình bị cáo để cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất và miễn án phí cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải dương tham gia phiên tòa sau khi phân tích các tình tiết trong vụ án xác định cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xuất trình biên lai bồi thường thêm cho bị hại. Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng mức hình phạt tại bản án sơ thẩm là phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nên đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 BLTTHS, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo giữ nguyên hình phạt của bị cáo tại bản án sơ thẩm. Bị cáo kháng cáo không được chấp nhận, nhưng là đối tượng thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị cáo Lê Văn T kháng cáo trong thời hạn luật định nên là kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Văn T xin giảm nhẹ hình phạt:

Tại phiên tòa, bị cáo trình bày lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo tại cấp sơ thẩm, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác, nên có đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 16/11/2019 đến ngày 22/12/2019, tại địa bàn thành phố D và thị trấn S, huyện S, tỉnh Hải Dương, Nguyễn Ngọc G và Nguyễn Mạnh N đã dùng vạm phá khóa thực hiện 17 hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo T thực hiện 5 hành vi trộm cắp tài sản cùng các bị cáo khác trong vụ án, với số tiền chiếm đoạt là 48.581.250đ. Vì vậy bị cáo Lê Văn T bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về tội danh bị cáo không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Xét kháng cáo của bị cáo thì thấy: Cấp sơ thẩm đã xác định đúng vai trò đồng phạm của bị cáo và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo Lê Văn T thực hiện 05 hành vi trộm cắp tài sản. Mỗi hành vi đều có trị giá

trên 2.000.000đ nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động để gia đình bồi thường cho người bị hại là anh C và anh Đ và được bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo tác động để gia đình bồi thường thêm cho bị hại là chị Lê Thị H và chị H có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, xét bị cáo có tiền sự và có nhân thân không tốt, giá trị tài sản bị cáo đồng phạm chiếm đoạt 48.581.250đ, trong khi giá trị tài sản cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS đến 50.000.000đ (khung hình phạt 06 tháng đến 03 năm) thì mức hình phạt của bị cáo T là 02 năm 3 tháng tại bản án sơ thẩm là đã được xem xét, giảm nhẹ khoan hồng, phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của người bào chữa tại phiên tòa, giữ nguyên hình phạt của bị cáo tại bản án sơ thẩm mới đảm bảo mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Kháng cáo của bị cáo được không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm hình sự, nhưng do là đối tượng thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, HĐXX không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 87/2020/HS-ST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Hải Dương về phần hình phạt của bị cáo T.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án lệ phí Tòa án;

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/01/2020.

3. Án phí: Bị cáo Lê Văn T được miễn án phí phúc thẩm hình sự.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 14/9/2020.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh HD;
- Phòng HSNV-CA tỉnh HD;
- Trại tạm giam – CA tỉnh Hải Dương;
- TAND TP. D;
- CQCSĐT-CA TP. D;
- CQ THAHS-CA tỉnh Hải Dương;
- VKSND TP. D;
- Chi cục THADSTP. D;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- LưuTòa; lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Thị Yên